

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG		Trang
PHẦN I	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
	Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
	Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 31
	Bảng cân đối kế toán	06 - 08
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
	Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	32 - 33
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ	34 - 35
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ	36 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3604000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 15 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 05, Đường Hải Dương, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phú	Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Thuận	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Liệu	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên
Số 05 Đường Hải Dương, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phú Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2014



TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Phú

Số: 676/2014/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được lập ngày 24 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá về rủi ro của những sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính là do gian lận hay sai sót. Trong quá trình đánh giá về rủi ro này, kiểm toán viên phải xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán áp dụng, đánh giá các ước tính kế toán trọng yếu cũng như đánh giá tổng thể việc trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến Ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang tạm hoãn trích khấu hao đối với Tài sản cố định nhận bàn giao từ Dự án thứ 3 Cấp nước và Vệ sinh các thị xã thị trấn - tỉnh Phú Yên (ADB3) với giá trị nguyên giá là 39.024.729.190 VND theo Thông báo số 776/TB-UBND ngày 04/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Theo đó, số chi phí khấu hao chưa được ghi nhận vào Kết quả kinh doanh trong năm 2013 là 1.359.367.739 VND. Điều này khiến Chỉ tiêu Giá trị hao mòn lũy kế của Tài sản cố định hữu hình trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 phản ánh thiếu số tiền là 1.359.367.739 VND. Chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2013 phản ánh cao hơn thực tế cùng với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014.

Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1479-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.094.211.411	58.187.627.008
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.359.758.791	31.944.452.634
111 1. Tiền		5.059.758.791	2.344.452.634
112 2. Các khoản tương đương tiền		25.300.000.000	29.600.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	7.000.000.000	17.000.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		7.000.000.000	17.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.088.567.867	5.455.138.877
131 1. Phải thu khách hàng		-1.484.536.074	1.764.177.659
132 2. Trả trước cho người bán		535.002.000	484.531.545
135 5. Các khoản phải thu khác	5	3.243.219.734	3.310.646.722
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(174.189.941)	(104.217.049)
140 IV. Hàng tồn kho	7	3.466.372.317	3.298.087.464
141 1. Hàng tồn kho		3.466.372.317	3.298.087.464
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		12.179.512.436	489.948.033
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	152.243.623	387.208.367
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	37.588.651
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	9	12.027.268.813	65.151.015
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		331.731.798.598	341.649.680.732
220 II. Tài sản cố định		324.161.662.950	334.595.086.255
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	323.277.406.852	333.406.621.928
222 - Nguyên giá		400.588.855.157	396.178.080.204
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(77.311.448.305)	(62.771.458.276)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	131.886.535	176.726.654
228 - Nguyên giá		393.266.251	421.266.251
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(261.379.716)	(244.539.597)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	752.369.563	1.011.737.673
260 V. Tài sản dài hạn khác		7.570.135.648	7.054.594.477
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.570.135.648	7.054.594.477
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		389.826.010.009	399.837.307.740

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		194.753.632.573	205.084.722.231
310 I. Nợ ngắn hạn		22.763.995.455	21.412.697.124
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	13.011.440.930	13.219.253.064
312 2. Phải trả người bán		3.197.065.527	2.698.698.091
313 3. Người mua trả tiền trước		526.116.093	449.880.693
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	653.486.952	581.471.590
315 5. Phải trả người lao động		2.138.164.402	3.161.400.562
316 6. Chi phí phải trả	16	1.076.382.912	456.730.055
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	211.977.439	122.900.608
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.949.361.200	722.362.461
330 II. Nợ dài hạn		171.989.637.118	183.672.025.107
334 4. Vay và nợ dài hạn	18	171.981.455.300	183.659.146.320
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		8.181.818	12.878.787
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		195.072.377.436	194.752.585.509
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	184.536.418.283	184.218.568.020
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		180.719.022.756	180.719.022.756
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.600.197.668	1.600.197.668
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		2.217.197.859	1.319.271.482
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		-	580.076.114
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		10.535.959.153	10.534.017.489
433 3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	20	10.535.959.153	10.534.017.489
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		389.826.010.009	399.837.307.740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		197.340.232	201.895.732

Phú Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân Tựu

Đào Thị Thu Cấn

Nguyễn Phú



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	61.101.009.950	54.368.551.383
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.101.009.950	54.368.551.383
11	4. Giá vốn hàng bán	22	37.203.086.176	31.858.469.076
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.897.923.774	22.510.082.307
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.836.799.315	3.145.299.026
22	7. Chi phí tài chính	24	11.744.513.915	11.697.593.136
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.744.513.915	11.697.593.136
24	8. Chi phí bán hàng	25	8.020.697.119	6.999.113.478
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.562.708.721	5.630.978.091
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.406.803.334	1.327.696.628
31	11. Thu nhập khác	27	167.721.109	275.018.174
32	12. Chi phí khác	28	74.524.443	2.714.802
40	13. Lợi nhuận khác		93.196.666	272.303.372
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.500.000.000	1.600.000.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	637.822.126	285.863.819
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.862.177.874</u>	<u>1.314.136.181</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Tựu

Kế toán trưởng

Đào Thị Thu Cẩn

Phú Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Phú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	2.500.000.000	1.600.000.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	14.116.306.662	12.846.641.580
03	- Các khoản dự phòng	174.189.941	73.972.827
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.836.799.315)	(3.145.299.026)
06	- Chi phí lãi vay	11.744.513.915	11.697.593.136
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	24.698.211.203	23.072.908.517
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	324.745.304	11.549.454.417
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(829.681.629)	593.133.452
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(839.408.859)	(1.020.951.538)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	355.775.938	(915.513.587)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(11.110.188.253)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(611.340.683)	(345.516.188)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	127.047.979	67.550.446
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(12.888.144.094)	(550.500.872)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(772.983.094)	32.450.564.647
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.810.330.577)	(4.772.342.904)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(33.631.861.111)	(28.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	43.631.861.111	13.606.648.333
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.884.122.982	2.852.993.901
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	11.073.792.405	(16.812.700.670)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(11.885.503.154)	(5.959.186.770)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>(11.885.503.154)</i>	<i>(5.959.186.770)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.584.693.843)	9.678.677.207
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	31.944.452.634	22.265.775.427
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	30.359.758.791	31.944.452.634

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Thị Xuân Tựu

Đào Thị Thu Cầm

Nguyễn Phú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3604000018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp ngày 15 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 05, Đường Hải Dương, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Vốn điều lệ của Công ty là 77.374.485.269 đồng. Công ty đã thực hiện thủ tục xin tăng vốn điều lệ tuy nhiên chưa được UBND Tỉnh Phú Yên phê duyệt.

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên – Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường	Số 05 Hải Dương, Thôn Ngọc, Phường, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt	Tư vấn, thiết kế, giám sát... hệ thống cấp thoát nước và môi trường.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết ngành nghề kinh doanh: Hoạt động vệ sinh môi trường (Dịch vụ thoát nước đô thị).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 30 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 06 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm

Từ 01/01/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính;
- Thay đổi thời gian trích khấu hao đối với một số loại tài sản sau: nhà cửa vật kiến trúc tăng từ 25 năm lên 25 - 40 năm, máy móc thiết bị giảm từ 25 năm xuống 10 - 15 năm, phương tiện vận tải vật truyền dẫn tăng từ 25 năm lên 30 năm, phần mềm máy vi tính giảm từ 10 năm xuống 8 năm. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2013 đang giảm đi 327.939.763 VNĐ nếu áp dụng khung khấu hao năm 2012.

Tài sản cố định nhận bàn giao từ Dự án thứ 3 Cấp nước và Vệ sinh các thị xã thị trấn - Tỉnh Phú Yên (ADB3) với giá trị là 39.024.729.190 VND, Công ty đang tạm hoãn trích khấu hao theo Thông báo số 776/TB-UBND ngày 04/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí lắp đặt và thay thế mới đồng hồ nước cho khách hàng đang được phân bổ trong thời gian 5 năm theo tiêu chuẩn kiểm định đồng hồ đo nước.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế được tạm phân phối theo các quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

ST
TAN
OAN
P. HA

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo khối lượng xây lắp hoàn thành và được khách hàng chấp nhận.

2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	209.428.238	247.120.775
Tiền gửi ngân hàng	4.850.330.553	2.097.331.859
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	25.300.000.000	29.600.000.000
	30.359.758.791	31.944.452.634

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	7.000.000.000	17.000.000.000
	7.000.000.000	17.000.000.000

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 4 đến 7 tháng, lãi suất từ 6,5% đến 7,6%/ năm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu BQLDA cấp nước (cho vay không tính lãi)	2.363.822.181	2.459.686.337
Phải thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	528.465.302	575.788.969
Phải thu các trạm cấp nước về tiền nước đã thu của khách hàng chưa nộp về công ty	240.605.437	272.171.416
Thuế GTGT đầu vào chưa có hoá đơn	108.036.182	-
Phải thu khác	2.290.632	3.000.000
	3.243.219.734	3.310.646.722

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(174.189.941)	(104.217.049)
	(174.189.941)	(104.217.049)

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.801.943.238	2.660.707.393
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	664.429.079	637.380.071
	3.466.372.317	3.298.087.464

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.166.367	10.313.334
Chi phí hóa chất xử lý nước	72.893.606	162.682.485
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	6.432.500
Chi phí in hóa đơn tiền nước	-	156.000.000
Chi phí bảo hiểm	47.875.977	
Chi phí khác	10.307.673	51.780.048
	152.243.623	387.208.367

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	6.052.948	1.702.109
Tạm ứng	21.215.865	63.448.906
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	12.000.000.000	-
	12.027.268.813	65.151.015

(*) Khoản ký quỹ theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 08/13/HĐCC-CTN ngày 28/08/2013 giữa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên ("Ngân hàng") bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn về việc cầm cố để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH MTV 508 (là nhà thầu thi công các công trình của Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung - tỉnh Phú Yên (ADB4) tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên), bao gồm nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn và phí phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp bảo lãnh và các Hợp đồng khác giữa Công ty TNHH 508 và Ngân hàng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	421.266.251	421.266.251
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(28.000.000)	(28.000.000)
- Phân loại lại sang TSCĐHH	(28.000.000)	(28.000.000)
Số dư cuối năm	<u>393.266.251</u>	<u>393.266.251</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	244.539.597	244.539.597
Số tăng trong năm	44.207.907	44.207.907
- Khấu hao TSCĐ trong năm	44.207.907	44.207.907
Giảm trong năm	(27.367.788)	(27.367.788)
- Phân loại lại sang TSCĐHH	(27.367.788)	(27.367.788)
Số dư cuối năm	<u>261.379.716</u>	<u>261.379.716</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	176.726.654	176.726.654
Tại ngày cuối năm	<u>131.886.535</u>	<u>131.886.535</u>

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	265.072.465	537.761.938
- Chuyển đổi Hệ thống cấp nước cũ sang mới KV Tuy An	-	296.430.422
- Sửa chữa tuyến ống tải Hòa Vinh & QL 29	-	17.490.166
- Nâng cấp Hệ thống cấp nước Tuy Hòa	-	123.083.182
- Xây dựng bản đồ Git	55.637.455	1.430.000
- Trạm bơm tăng áp dốc Võng Sơn	-	69.234.227
- Phân vùng tách mảng hệ thống cấp nước Sông Hinh	205.457.556	-
- Các công trình khác	3.977.454	30.093.941
Mua sắm TSCĐ	487.297.098	473.975.735
- Thiết bị vi sinh (*)	487.297.098	473.975.735
	<u>752.369.563</u>	<u>1.011.737.673</u>

(*) Dự án đầu tư mua sắm thiết bị, dụng cụ hoạt chất phục vụ công tác kiểm nghiệm vi sinh, hoá lý tại các Nhà máy nước trực thuộc Công ty. Tổng mức đầu tư Dự án là: 1.344.656.543 VNĐ. Đến ngày 31/03/2014 Công ty đã hoàn thành việc khắc phục một số lỗi của tiêu chuẩn ISO theo kiến nghị của đơn vị đánh giá tiêu chuẩn chất lượng. Dự kiến Dự án sẽ hoàn thành trước 30/06/2014.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	7.054.594.477	6.314.179.063
Số tăng trong năm	4.407.846.995	3.731.327.961
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(3.892.305.824)	(2.990.912.547)
Số dư cuối năm	7.570.135.648	7.054.594.477
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí khắc phục bão lụt	-	63.894.170
Chi phí sửa chữa di dời các tuyến ống, sửa chữa khác	971.400.997	214.976.824
Chi phí đầu nối, thay thế đồng hồ nước	6.011.908.906	6.394.893.634
Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	586.825.745	230.754.264
Chi phí máy bơm, thiết bị khác	-	48.788.451
Chi phí khác	-	101.287.134
	7.570.135.648	7.054.594.477

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 18)	13.011.440.930	13.219.253.064
	13.011.440.930	13.219.253.064

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	177.466.906	204.726.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.893.592	208.971.606
Thuế thu nhập cá nhân	2.410.802	-
Thuế tài nguyên	105.727.110	100.003.170
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	68.988.542	67.770.079
	653.486.952	581.471.590

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.033.323.602	398.997.940
Chi phí thẩm tra, quyết toán	43.059.310	57.732.115
	1.076.382.912	456.730.055

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.259.890	-
Bảo hiểm xã hội	9.468.622	15.754.656
Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.248.927	107.145.952
- Phải trả tiền cho dự án HABITAT	178.130.000	65.044.663
- Phải nộp phí bảo vệ môi trường	6.535.631	8.360.830
- Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân	-	21.425.366
- Phải trả tiền nước	-	12.078.587
- Các khoản phải trả khác	11.583.296	236.506
	211.977.439	122.900.608

18 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng	171.981.455.300	183.659.146.320
	171.981.455.300	183.659.146.320

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn :

Hiệp định vay vốn AFD ngày 02/04/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên. Hạn mức vay là 2.379.000 EUR; Lãi suất 5,8%/năm, lãi quá hạn 8,8%/năm; Thời hạn vay là 22 năm, thời gian ân hạn 6 năm; Khoản vay nhằm mục đích Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước; Số dư nợ gốc tại 31/12/2013 là 35.833.029.575 VND, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2014 là 3.412.669.482 VND.

Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Phú Yên: Hạn mức vay là 10.743.000 USD; Lãi suất 6%/năm, lãi quá hạn 7,8%/năm; Thời hạn vay là 22 năm, thời gian ân hạn 6 năm; Khoản vay nhằm mục đích Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước; Số dư nợ gốc tại 31/12/2013 là 149.159.866.655 VND, trong đó nợ đến hạn trả năm 2014 là 9.598.771.448 VND.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	180.719.022.756	100,00	180.719.022.756	100,00
	<u>180.719.022.756</u>	<u>100,00</u>	<u>180.719.022.756</u>	<u>100,00</u>

c) Các quỹ của Công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.217.197.859	1.319.271.482
Quỹ dự phòng tài chính	-	580.076.114

20 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định còn lại đầu năm	10.534.017.489	11.088.439.461
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định tăng trong năm	618.181.818	-
Hao mòn tài sản cố định trong năm	(616.240.154)	(554.421.972)
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định còn lại cuối năm	<u>10.535.959.153</u>	<u>10.534.017.489</u>

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định từ đầu năm là hệ thống Công thoát nước của Dự án ADB3 năm 2012 thuộc nguồn vốn Ngân sách phục vụ hoạt động công ích của Thành phố Tuy Hoà, giao Công ty quản lý và sử dụng.

Nguồn kinh phí hình thành tài sản cố định tăng trong năm là ô tô tài có cần cầu bàn giao từ Dự án ADB4 phục vụ hoạt động thoát nước mưa tại thành phố Tuy Hoà.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	54.744.621.612	49.161.904.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.391.016.158	1.135.249.384
Doanh thu lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước	4.965.372.180	4.071.397.635
	<u>61.101.009.950</u>	<u>54.368.551.383</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng bán	32.881.153.258	28.242.634.443
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	948.901.830	730.985.537
Giá vốn của hoạt động lắp đặt, di dời hệ thống cấp thoát nước	3.373.031.088	2.884.849.096
	37.203.086.176	31.858.469.076

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.836.799.315	3.145.299.026
	3.836.799.315	3.145.299.026

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	11.744.513.915	11.697.593.136
	11.744.513.915	11.697.593.136

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.162.529.967	2.883.408.914
Chi phí nhân công	3.280.896.890	2.876.182.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.483.144.154	1.166.594.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.934.580	54.073.474
Chi phí khác bằng tiền	46.191.528	18.854.371
	8.020.697.119	6.999.113.478

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	186.036.361	61.978.777
Chi phí nhân công	4.093.734.140	3.356.251.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.741.614	224.942.235
Thuế, phí, lệ phí	10.068.172	1.076.569.463
Chi phí dự phòng	174.189.941	73.972.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.572.629	277.343.889
Chi phí khác bằng tiền	731.365.864	559.919.676
	5.562.708.721	5.630.978.091

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán phế liệu	118.616.721	16.457.727
Tiền bán cát phế liệu tại xí nghiệp	42.890.820	-
Nợ khó đòi đã xử lý thu hồi được	4.555.500	1.264.000
Hoàn nhập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	251.000.000
Thu nhập khác	1.658.068	6.296.447
	167.721.109	275.018.174

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Nộp phạt khai sai thuế, chậm nộp thuế	10.277.368	773.378
Chi phí thanh lý phế liệu	39.258.891	-
Chi phí khác	479.093	1.941.424
Chi phí vận chuyển bán phế liệu	24.509.091	-
	74.524.443	2.714.802

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.500.000.000	1.600.000.000
Các khoản điều chỉnh tăng	51.288.504	33.507.538
- Chi phí không được trừ	51.288.504	33.507.538
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.551.288.504	1.633.507.538
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	637.822.126	408.376.885
Thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị định 60/2012/NĐ-CP	-	(122.513.066)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	637.822.126	285.863.819
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	63.440.543	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	208.971.606	268.623.975
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(611.340.683)	(345.516.188)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	298.893.592	208.971.606

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.359.758.791		31.944.452.634	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.727.755.808	(174.189.941)	5.074.824.381	(104.217.049)
Các khoản cho vay	7.000.000.000		17.000.000.000	
	42.087.514.599	(174.189.941)	54.019.277.015	(104.217.049)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	184.992.896.230	196.878.399.384
Phải trả người bán, phải trả khác	3.409.042.966	2.821.598.699
Chi phí phải trả	1.076.382.912	456.730.055
	189.478.322.108	200.156.728.138

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và tương đương tiền	30.359.758.791	-	-	30.359.758.791
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.553.565.867	-	-	4.553.565.867
Các khoản cho vay	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
	41.913.324.658	-	-	41.913.324.658
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và tương đương tiền	31.944.452.634	-	-	31.944.452.634
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.970.607.332	-	-	4.970.607.332
Các khoản cho vay	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000
	53.915.059.966	-	-	53.915.059.966

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	13.011.440.930	52.045.763.720	119.935.691.580	184.992.896.230
Phải trả người bán, phải trả khác	3.409.042.966	-	-	3.409.042.966
Chi phí phải trả	1.076.382.912	-	-	1.076.382.912
	17.496.866.808	52.045.763.720	119.935.691.580	189.478.322.108
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	13.219.253.064	52.877.012.256	130.782.134.064	196.878.399.384
Phải trả người bán, phải trả khác	2.821.598.699	-	-	2.821.598.699
Chi phí phải trả	456.730.055	-	-	456.730.055
	16.497.581.818	52.877.012.256	130.782.134.064	200.156.728.138

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc	650.136.821	583.106.335

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Tựu

Kế toán trưởng

Đào Thị Thuần

Phú Yên, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Giám đốc

Nguyễn Phú



Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	82.635.092.997	47.153.206.064	265.785.466.109	567.855.943	36.459.091	396.178.080.204
Số tăng trong năm	1.128.572.766	9.703.102.799	4.360.785.047	-	-	15.192.460.612
- <i>Mua trong năm</i>	-	331.521.112	-	-	-	331.521.112
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	881.283.771	-	3.742.603.229	-	-	4.623.887.000
- <i>Điều chuyển trong năm</i>	-	-	618.181.818	-	-	618.181.818
- <i>Phân loại lại</i>	247.288.995	9.371.581.687	-	-	-	9.618.870.682
Số giảm trong năm	(113.731.844)	(522.006.891)	(9.739.288.555)	(406.658.369)	-	(10.781.685.659)
- <i>Phân loại lại</i>	-	-	(9.248.531.156)	(342.339.526)	-	(9.590.870.682)
- <i>Thu hồi do hư hỏng</i>	-	-	(78.932.550)	-	-	(78.932.550)
- <i>Giảm khác</i>	(736.548)	-	-	-	-	(736.548)
- <i>Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC</i>	(112.995.296)	(522.006.891)	(411.824.849)	(64.318.843)	-	(1.111.145.879)
Số dư cuối năm	83.649.933.919	56.334.301.972	260.406.962.601	161.197.574	36.459.091	400.588.855.157
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.466.127.228	12.490.061.172	36.572.694.351	219.065.482	23.510.043	62.771.458.276
Số tăng trong năm	4.291.342.582	6.648.525.334	7.937.521.091	-	7.686.613	18.885.075.620
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.625.009.893	2.861.526.914	7.578.270.130	-	7.291.818	14.072.098.755
- <i>Hao mòn trong năm (*)</i>	-	554.421.972	61.818.182	-	-	616.240.154
- <i>Tăng khác (**)</i>	-	1.644.068	297.432.779	-	-	299.076.847
- <i>Phân loại lại</i>	666.332.689	3.230.932.380	-	-	394.795	3.897.659.864
Số giảm trong năm	(36.739.385)	(213.654.669)	(4.036.738.771)	(57.952.766)	-	(4.345.085.591)
- <i>Phân loại lại</i>	-	-	(3.833.232.097)	(37.059.980)	-	(3.870.292.077)
- <i>Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC</i>	(36.739.385)	(213.654.669)	(203.506.674)	(20.892.786)	-	(474.793.514)
Số dư cuối năm	17.720.730.425	18.924.931.837	40.473.476.671	161.112.716	31.196.656	77.311.448.305
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	69.168.965.769	34.663.144.892	229.212.771.758	348.790.461	12.949.048	333.406.621.928
Tại ngày cuối năm	65.929.203.494	37.409.370.135	219.933.485.930	84.858	5.262.435	323.277.406.852

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 6.633.069.702 VND

(*) Hao mòn của tài sản cố định là Công thoát nước bàn giao từ dự án ADB3 và ô tô tài có cán cấu từ dự án ADB4 của nguồn vốn Ngân sách.

(**) Phần giá trị khấu hao ghi tăng theo Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND Tỉnh Phú Yên về việc sử dụng lợi nhuận sau thuế bù đắp một phần khấu hao của những tài sản đang tạm hoãn trích khấu hao theo thông báo số 776/TB-UBND ngày 04/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

NG
KIỂM
AS
M-T

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của CSH VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	141.074.958.612	1.600.197.668	183.772	1.319.271.482	520.801.550	-	144.515.413.084
Tăng vốn trong năm trước	39.052.702.863	-	-	-	-	-	39.052.702.863
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.314.136.181	1.314.136.181
Phân phối lợi nhuận	591.361.281	-	-	-	131.413.618	(1.314.136.181)	(591.361.282)
Giảm khác	-	-	(183.772)	-	(72.139.054)	-	(72.322.826)
Số dư cuối năm trước	180.719.022.756	1.600.197.668	-	1.319.271.482	580.076.114	-	184.218.568.020
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.862.177.874	1.862.177.874
Tăng khác	-	-	-	580.076.114 (**)	-	362.517.390 (***)	942.593.504
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	317.850.263	-	(1.862.177.874)	(1.544.327.611)
Giảm khác	-	-	-	-	(580.076.114 (**))	(362.517.390 (***))	(942.593.504)
Số dư cuối kỳ này	180.719.022.756	1.600.197.668	-	2.217.197.859	-	-	184.536.418.283

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị Định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính Phủ và Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Tổng lợi nhuận phân phối năm 2013 (1)

Trích lập quỹ đầu tư phát triển (2) = (1) *30%

Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân thực hiện)

Trích lập Quỹ thường viên chức quản lý (1 tháng lương bình quân thực hiện)

Giảm trừ phân trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi

(**) Trong năm, Công ty điều chỉnh giảm Quỹ Dự phòng tài chính và ghi tăng Quỹ Đầu tư phát triển số tiền 580.076.114 VND theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn Nghị định 71/2013/NĐ-CP về quản lý tài chính Doanh nghiệp Nhà nước trong đó quy định bỏ quỹ Dự phòng tài chính.

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(***) Căn cứ theo Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ngày 24/5/2013, Công ty điều chỉnh vào khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối các khoản sau:

Điều chỉnh giảm quỹ lương năm 2012 do sang Quý I/2013 chi vượt quỹ lương dự phòng
Điều chỉnh giảm chi phí dự phòng năm 2012 do không đủ điều kiện

Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN
Bù đắp chênh lệch lợi nhuận

Công ty sử dụng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ khoản tăng theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước để bù đắp một phần khấu hao của những tài sản đang tạm hoãn trích khấu hao căn cứ theo QĐ số 2407/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND Tỉnh Phú Yên.

Số tiền
VND
258.300.341
104.217.049
(63.440.543)
(299.076.847)

Số: 676/2014/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 03 năm 2014 trình bày ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có được sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với các vấn đề tuân thủ có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu trên Báo cáo tài chính, cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với Báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, trên các khía cạnh trọng yếu, Ban Giám đốc Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo Báo cáo tài chính được lập không còn chứa đựng các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Dự án “Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung”, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ban Giám đốc, Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án.



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1479-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014



Số: 676/2014/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 03 năm 2014 trình bày ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về Báo cáo tài chính, chúng tôi đã kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 (“yêu cầu”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tuân thủ luật pháp, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc tuân thủ các yêu cầu dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ đảm bảo (ISAE) 3000. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo cho việc báo cáo về tính tuân thủ với những yêu cầu có liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng chứng minh mọi hoạt động của Công ty không còn chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo những yêu cầu này. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có sự hiểu biết về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo yêu cầu. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Vấn đề khác

Báo cáo này lập trong khuôn khổ cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Dự án “Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung”, chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ban Giám đốc Công ty, Ban Quản lý Dự án và các bên liên quan trong khuôn khổ hợp đồng kiểm toán ký với Ban Quản lý Dự án.



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1479-2013-002-1

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014



THƯ QUẢN LÝ

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

1170
HANG
HIEM
KIEM
AS
YEM

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên
Số 05 Hải Dương, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

Chúng tôi đã hoàn thành việc kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ, chúng tôi xin được trình bày những vấn đề cơ bản rút ra từ cuộc kiểm toán.

Việc xem xét quy trình kế toán và kiểm soát nội bộ giúp chúng tôi đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Công ty. Công việc này không nhằm phát hiện các điểm yếu, các gian lận hay vi phạm, mà để giúp chúng tôi hình thành ý kiến trên Báo cáo kiểm toán và do đó, không thể dựa vào những phát hiện này để khẳng định là không còn tồn tại những điểm yếu khác. Vì vậy, các nhận xét sau đây chỉ đề cập đến những vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán, và cũng không phải là tất cả những đề xuất có thể mà cuộc kiểm toán chuyên đề có thể đưa ra.

Chúng tôi xin gửi kèm theo đây các vấn đề mà chúng tôi ghi nhận trong quá trình kiểm toán cùng với các đề xuất. Chúng tôi đã thảo luận các vấn đề này với Ban Giám đốc và những ý kiến trả lời cũng đã được nêu trong Thư này. Nội dung cơ bản mà chúng tôi trình bày trong Thư này là:

1. Quản lý tiền mặt
2. Phân bổ chi phí trả trước
3. Quản lý và ghi nhận doanh thu

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ban Quản lý dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ miền Trung và Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Phú Yên trong thời gian thực hiện cuộc kiểm toán. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục hợp tác làm việc với Quý Công ty trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong thời gian tới.



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

<i>Nội dung</i>	<i>Trang</i>
1 Quản lý tiền mặt	39
2 Phân bổ chi phí trả trước	40
3 Quản lý và ghi nhận doanh thu	41

1. Quản lý tiền mặt

Kiểm tra và Ảnh hưởng

Qua kiểm tra chúng tôi nhận thấy, tại Công ty đang thực hiện đánh số thứ tự các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt liên tục theo từng tháng mà không đánh liên tục cho cả năm tài chính. Nguyên nhân được xác định là do phần mềm kế toán.

Theo đó, chúng tôi cho rằng phiếu thu, phiếu chi tiền mặt cần được đánh liên tục cho cả năm tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro chèn phiếu thu, phiếu chi.

Đề xuất

Chúng tôi khuyến nghị Công ty phối hợp với nhà cung cấp dịch vụ phần mềm kế toán để tiến hành đánh số thứ tự phiếu thu, phiếu chi liên tục cho cả năm tài chính.

Ý kiến của Công ty

Công ty đồng ý với khuyến nghị của Kiểm toán viên.

2. Phân bổ chi phí trả trước

Kiểm tra và ảnh hưởng

Qua rà soát, chúng tôi nhận thấy Công ty đang thực hiện phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn kể từ ngày ghi sổ kế toán mà không căn cứ vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo chứng từ gốc. Nguyên nhân do việc chậm luân chuyển của chứng từ.

Do đó các khoản chi phí trả trước chưa được phản ánh một cách phù hợp vào kết quả kinh doanh trong năm. Bên cạnh đó, chi phí đầu nối đồng hồ nước Công ty đang thực hiện phân bổ theo phương pháp tròn năm.

Khuyến nghị

Chúng tôi khuyến nghị Công ty cải thiện việc luân chuyển chứng từ để việc ghi sổ kế toán phù hợp với chứng từ gốc và chi phí được phản ánh đầy đủ và kịp thời vào kết quả kinh doanh trong năm. Đồng thời, chi phí đầu nối đồng hồ nước cần được phân bổ kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ mà không phân bổ tròn năm.

Ý kiến của Công ty

Công ty đồng ý với khuyến nghị của Kiểm toán viên.

3. Quản lý và ghi nhận doanh thu

Kiểm tra và ảnh hưởng

Qua kiểm tra, chúng tôi nhận thấy Công ty đang thực hiện xuất hoá đơn và ghi nhận doanh thu cung cấp nước sạch vào tháng tiếp sau tháng ghi chỉ số đồng hồ. Chúng tôi cho rằng việc xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu và ghi nhận nghĩa vụ thuế với Nhà nước như vậy là chưa kịp thời.

Doanh thu công trình, doanh thu chống thất thoát nước và sửa chữa đường ống nước thường ghi nhận chậm hơn so với hồ sơ quyết toán đã có phê duyệt và chấp nhận thanh toán của khách hàng. Theo đó doanh thu chưa được ghi nhận kịp thời vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Khuyến nghị

Đối với doanh thu cung cấp nước sạch, chúng tôi khuyến nghị Công ty cần thực hiện ghi nhận doanh thu và xuất hoá đơn trong tháng ghi chỉ số đồng hồ nước.

Đối với doanh thu công trình, doanh thu sửa chữa đường ống và doanh thu chống thất thoát nước, chúng tôi khuyến nghị Công ty cần đẩy nhanh việc luân chuyển chứng từ, nhằm đảm bảo doanh thu được ghi nhận kịp thời và nghĩa vụ thuế với Nhà nước được phản ánh đầy đủ.

Ý kiến của Công ty

Đồng ý với khuyến nghị của Kiểm toán viên.

